

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DSST

Ngày: 21/7/2025.

*“V/v : Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan và ông Nguyễn Bá Lý;
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoá.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 16/2025/QĐST-DS ngày 02/6/2025 và Thông báo về thời gian tiếp tục tiến hành phiên tòa số 1501/TB-TA ngày 27/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nay Thị Q, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 2 T, tổ I, phường P, thành phố P, Gia Lai (Nay là phường P, tỉnh Gia Lai).

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Nay là phường P, tỉnh Gia Lai).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Nay là phường P, tỉnh Gia Lai). (Theo hợp đồng uỷ quyền số 006364, quyền số 13/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2025).

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nay Thị Q trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, bà Lê Thị H có mượn tiền số tiền 90.000.000đồng để xử lý công việc nhà, với lãi suất hai bên tự thoả thuận. Thời gian mượn tiền là 90 ngày (từ ngày 15/10/2024 cho đến ngày 12/01/2025) bà H

phải trả lại cả gốc và lãi suất, đến nay đã hơn 90 ngày bà Lê Thị H không trả tiền, tôi đến nhà bà H né tránh, điện thoại thì không nghe.

Đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, tôi làm đơn đề nghị Toà án buộc bà Lê Thị H phải trả lại số tiền 98.416.200đồng (Trong đó tiền gốc 90.000.000đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật tạm tính từ ngày 15/10/2024 đến ngày 01/4/2025 là 169 ngày x 1,66%/tháng x 90.000.000 đồng = 8.416.200đồng) và tiền lãi suất tiếp theo của ngày 01/4/2025 cho đến khi bà H trả xong toàn bộ nợ gốc.

Việc bà H cho rằng số tiền 90 triệu đồng tôi đang khởi kiện là khoản tiền vay cộng dồn 3 lần đã chuyển khoản cho Lê Ánh N con dâu bà H là hoàn toàn không đúng, vì khoản vay 90.000.000 đồng của bà H mượn vay vào ngày 15/10/2024, thời hạn vay 90 ngày (khoản vay này còn gọi là tiền đúng) không liên quan đến các khoản vay trả tiền ngày của Lê Ánh N con dâu bà H (Ví dụ tôi cho Lê Ánh N vay 30.000.000 đồng/tháng, nhưng tôi chỉ chuyển khoản 28.000.000đồng vào tài khoản của Lê Ánh N, sau đó mỗi ngày Lê Ánh N phải trả cho tôi mỗi ngày 1.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, tiền lãi là 2.000.000đ/tháng, đây còn gọi tiền góp ngày), không liên quan đến khoản vay 90.000.000đồng tôi đang khởi kiện bà H.

Tôi có pho to giấy mượn tiền 30.000.000đồng để gửi đến Toà án làm căn cứ, do bà H viết nhưng chuyển vào tài khoản 6201234087 con dâu là Lê Ánh N ngày 27/9/2024 (số tiền này do Lê Ánh N chịu trách nhiệm), sau đó rất nhiều lần tôi cho con dâu bà H mượn tiền trả theo, nhưng đó là giao dịch giữa tôi với Lê Ánh N.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật.

Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Viết T trình bày:

Như bản tự khai bà Lê Thị H đã trình bày trước đây, giữa bà H với bà Nay Thị Q là chỗ quen biết với nhau từ trước, nên việc bà H có vay mượn tiền của bà Q là đúng, tuy nhiên số tiền 90.000.000 đồng và tiền lãi suất như bà Q đã khởi kiện cho bà H vay mượn bằng tiền mặt là không đúng, số tiền 90.000.000 đồng được viết trong giấy mượn tiền vào ngày 15/10/2024 hẹn 90 ngày sẽ trả là khoản tiền bà H có vay mượn của bà Q nhưng không phải nhận tiền mặt mà được chuyển vào tài khoản của bà Lê Ánh N tổng cộng ba lần:

Đợt đầu vào ngày 27/9/2024 là 30.000.000đồng chuyển khoản vào tài khoản Lê Ánh N (lãi 100.000 đồng/ngày); Đợt hai mượn 25.500.000 đồng đóng 30 ngày, mỗi ngày một triệu đồng; Đợt ba là ngày 15/10/2024 số tiền 25.000.000đồng, đóng 30 ngày mỗi ngày 1 triệu đồng. Số tiền nhận được là 80.500.000đồng bà Lê Ánh N đã đóng cho bà Q xong hai đợt tiền ngày, tổng cộng 49.000.000đồng, có sao kê tại Ngân hàng để gửi đến Toà án.

Lần chuyển tiền cuối cùng là ngày 15/10/2024 bà Q có yêu cầu bà H phải viết giấy mượn số tiền 90.000.000đồng. Mọi giao dịch giữa bà H với bà Q đều

chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho bà Lê Ánh N (6201234087). Bà H không lấy tiền mặt do bà Q đưa, tính đến nay bà H đã trả cho bà Q số tiền 49.000.000đồng, số còn lại 31.500.000đồng bà H chưa trả cho bà Q, hiện nay bà H đang gặp khó khăn vì vậy bà H có nguyện vọng trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng/tháng cho đến khi thanh toán hết nợ. Đối với lãi suất nếu bà Q yêu cầu thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thực hiện đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị H phải trả tổng số tiền gốc là: 90.000.000đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật cho nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn bà Lê Thị H có nơi cư trú tại Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Nay là phường P, tỉnh Gia Lai), nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là một tờ giấy A4 (Bản gốc, bút lục số 44) với tiêu đề: Giấy Mượn Tiền (bản mẫu được in sẵn), có viết chữ bằng mực bút bi màu xanh vào các dấu chấm cần điền: “ ...*Lê Thị H, số CCCD 064158000695 ngày cấp 27 tháng 4 năm 2021, nơi cấp CSCCQLHC; hiện cư trú tại và số điện thoại. Hôm nay ngày 15 tháng 10 năm 2024 tôi có mượn của Nay Thị Q số tiền 90.000.000đồng, chỗ quen không cần thế chấp gì hết, hẹn trong vòng 90 ngày sẽ hoàn trả lại số tiền trên*”. Khi đến hạn trả nợ theo cam kết bị đơn bà Lê Thị H không trả, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 90.000.000đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 15/10/2024 đến ngày 01/4/2025 là $169 \text{ ngày} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 90.000.000 \text{ đồng} = 8.416.200\text{đồng}$.

Bị đơn bà Lê Thị H thừa nhận có mượn tiền bà Nay Thị Q rất nhiều lần, nhưng mỗi lần mượn tiền bà H đều yêu cầu bà Q chuyển vào số tài khoản 6201234087 của Lê Ánh N và được Lê Ánh N chịu trách nhiệm chuyển trả tiền cho bà Q mỗi ngày 1.000.000 đồng (Các đương sự gọi là tiền vay trả theo ngày), bà H cung cấp đến Tòa án bản sao kê về lịch sử giao dịch tại Ngân hàng thể hiện

có ba mốc thời gian bà Q chuyển tiền vào số tài khoản 6201234087 (cụ thể ngày 27/9/2024 nội dung ghi Bùi Phú Đ chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào số tài khoản 6201234087, ngày 01/10/2024 nội dung ghi Nay Thị Q chuyển số tiền 25.500.000 đồng đến số tài khoản 6201234087, ngày 15/10/2024 nội dung ghi Bùi Viết H1 chuyển số tiền 23.900.000 đồng) và khoản tiền này được Lê Ánh N chịu trách nhiệm trả theo ngày cho bà Q (Bút lục từ số: 26 – 41).

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận định: Đối chiếu chứng cứ do bà Nay Thị Q khởi kiện và chứng cứ do bà H cung cấp thì đây là hai giao dịch khác nhau, như vậy chứng cứ bà H cung cấp không chứng minh được bà H đã trả nợ cho bà Q số tiền 49.000.000 đồng trong khoản tiền vay 90.000.000 đồng bà H vay vào ngày 15/10/2024.

Việc bà H ký kết vay mượn tiền của bà Q với là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện có ràng buộc về thời hạn trả nợ, đến hạn trả nợ bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm cam kết giữa hai bên, xét giao dịch giữa các bên là sự thỏa thuận tự nguyện phù hợp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền 98.416.200 đồng (trong đó số tiền gốc 90.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 15/10/2024 đến ngày 01/4/2025 là $169 \text{ ngày} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 90.000.000 \text{ đồng} = 8.416.200 \text{ đồng}$).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*).

- Áp dụng các Điều 280, 463, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nay Thị Q về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn bà Lê Thị H.

[2]. Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Nay Thị Q số tiền: 98.416.200 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi tám triệu, bốn trăm mười sáu ngàn, hai trăm đồng*), trong đó số tiền gốc 90.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 15/10/2024 đến ngày 01/4/2025 là 8.416.200 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 01/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải nộp: 4.920.810 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, chín trăm hai mươi ngàn, tám trăm mười đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền: 2.425.550 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn, năm trăm năm mươi đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 001263 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[4]. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7- Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7- Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

